**BÁO CÁO TÓM TẮT ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG DỰ ÁN**

**“Xây dựng cơ sở chế biến lâm sản và gia công cơ khí” –**

**Công ty Cổ phần chế biến lâm sản Quân Minh**

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ CHO VIỆC THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

**1. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực bảo vệ môi trường**

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

- Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên môi trường.

- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực BVMT.

- Thông tư số 25/2009/TT-BTNMT ngày 16/11/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Thông tư số 39/2010/TT-BTNMT ngày 16/12/2010 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Thông tư số 64/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Thông tư số 65/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Thông tư số 66/2015/TT-BTNMT ngày 21/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.

- Thông tư số 20/2017/TT-BTNMT ngày 08/8/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường.

- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

- Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và Môi trường Quyết định ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

- Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

**2. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên nước**

- Luật tài nguyên nước 2012.

- Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ: Về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch.

- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.

- Nghị định số 36/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản;

- Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ.

- Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước.

- Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 9/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

- Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

- Quyết định số 124/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Nam Định ban hành quyết định về việc phê duyệt “Quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nam Định đến năm 2020, định hướng đến năm 2030”.

- TCXDVN 33:2006 cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình – tiêu chuẩn thiết kế.

**3. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực thủy lợi**

- Luật thuỷ lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 của Quốc hội quy định chi tiết một số điều của Luật Thuỷ lợi.

- Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc Ban hành Quy định phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc Ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi thuộc phạm vi quản lý của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định.

- Luật Phòng chống, thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai.

- Luật số 60/2020/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đê điều.

- Nghị định 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi.

- Thông tư 13/2021/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2021 của Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn về việc quy định bảo đảm yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quản lý, vận hành, sử dụng các khu khai thác khoáng sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên khác, đô thị, du lịch, công nghiệp, di tích lịch sử; điểm dân cư nông thôn; công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, điện lực, viễn thông và hạ tầng kỹ thuật khác.

- Nghị Quyết 44/2021/NQ-HĐND ngày 25/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt đề án cho thuê quyền khai thác và xử lý đối với tài sản kết cấu hạ tầng thuỷ lợi thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 18/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Nam Định

- Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 08/8/2022 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định ban hành quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thuỷ lợi thuộc phạm vi quản lý của Uỷ ban nhân dân tỉnh Nam Định và các quy định pháp lý liên quan.

**4. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực đất đai**

- Luật đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về Đất đai.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

- Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất.

- Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá tiền sử dụng đất.

- Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

- Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/06/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định về thu tiền sử dụng đất.

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai.

- Quyết định số 20/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh Nam Định về việc ủy quyền cho UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất.

- Quyết định số 16/2018/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Nam Định áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

- Quyết định số 46/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi (nuôi trồng thủy sản) phục vụ công tác GPMB trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Nam Định.

- Văn bản số 254/UBND-VP5 ngày 11/5/2015 của UBND tỉnh Nam Định về việc thực hiện đơn giá bồi thường nhà, công trình xây dựng, kiến trúc, cây trồng vật nuôi trên địa bàn tỉnh Nam Định.

**5. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực phòng cháy chữa cháy**

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/06/2001 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9, có hiệu lực từ ngày 04/10/2001;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6, có hiệu lực từ ngày 01/07/2014;

- Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình.

- Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.

- Nghị định số 97/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ sửa đổi Nghị định số 23/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 của Chính phủ quy định về bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc

- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

- Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật phòng cháy và chữa cháy.

**6. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực giao thông**

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

- Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ

- Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.

- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính Phủ sửa đổi Nghị định 11/2010/NĐ-CP quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư 48/2012/TT/BGTVT ngày 15/11/2012 của Chính phủ ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 31/2019/TT-BGTVT ngày 29/08/2019 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

- Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12/8/2021 của Bộ Giao thông Vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

#### - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 01/12/2017 của Bộ Giao thông vận tải: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Thông tư số 13/2020/TT-BGTVT ngày 29/6/2020 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 11/2010/CĐ-CP ngày 24/2/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và thông đường bộ và Thông tư số [35/2017/](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-35-2017-tt-bgtvt-sua-doi-thong-tu-50-2015-tt-bgtvt-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-363772.aspx)TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [50/2015/ TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-50-2015-tt-bgtvt-huong-dan-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-tri-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-291880.aspx)ngày 23/9/2015 của Bộ giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/nghi-dinh-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-ve-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-101495.aspx)NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

#### - Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 15/2/2022 của Bộ Giao thông vận tải: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

- Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc quyết định ban hành quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Nam Định.

- Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Nam Định.

- QCVN 41:2019/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ

- QCVN 43:2012/BGTVT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ.

- QCVN 45:2012/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

**7. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực xây dựng**

- Luật Xây dựng năm 2014.

- Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/ 11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch

- Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2017 có hiệu lực từ 01/01/2019;

- Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xây dựng số 50/2014/QH13.

- Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.

- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật quy hoạch;

- Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 01/2016/BXD ngày 26/10/2016 của Bộ xây dựng ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây dựng Quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng.

- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động xây dựng.

- Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021 của Bộ xây dựng về hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và Nghị định số 44/2016 ngày 15/5/2016 về quy định chi tiết một số Điều của Luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

- Quyết định số 1134/QĐ-BXD ngày 08/10/2015 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức các hao phí xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng.

- Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Ủy ban nhân tỉnh quyết định quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh.

- Nghị định số 50/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP

- Thông tư [16/2021/TT-BXD](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=16%2f2021%2fTT-BXD&area=2&type=0&lan=1&match=False&sort=2&vc=True) ngày 20/12/2021 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 18:2021/BXD về An toàn trong thi công xây dựng.

- Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND Ngày 14/02/2023 của UBND tỉnh Nam Định Ban hành Quy định quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Căn cứ pháp lý về lĩnh vực phòng cháy chữa cháy bổ sung:

- Thông tư [06/2022/TT-BXD](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=16%2f2021%2fTT-BXD&area=2&type=0&lan=1&match=False&sort=2&vc=True) ngày 30/11/2022 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 06:2022/BXD quy chuẩn về an toàn cháy cho nhà và công trình

**8. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực doanh nghiệp**

- Luật số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020. Luật doanh nghiệp

- Luật số 03/2022/QH15 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự.

- Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

**9. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực thương mại**

**- Luật Thương mại số 36/2005/QH11**;

- Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

**10. Căn cứ pháp lý về lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động**

- Nghị định số [44/2016/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/nghi-dinh-44-2016-nd-cp-ky-thuat-an-toan-lao-dong-huan-luyen-an-toan-ve-sinh-moi-truong-lao-dong-299837.aspx) ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

- Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017 của Bộ Công thương ban hành quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương

- Thông tư số 10/2017/TT-BCT ngày 26/7/2017 của Bộ Công thương ban hành quy định hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công thương.

- Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ lao động thương binh và xã hội ban hành danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động.

- Thông tư 12/2020/TT-BCT ngày 18/6/2020 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Thông tư số 09/2017/TT-BCT ngày 13/7/2017.

**11. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng trong báo cáo**

*- Tiêu chuẩn, quy chuẩn thiết kế.*

- TCVN 4319: 2012- Nhà và công trình công cộng – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;

- TCVN 2737: 2020 – Tải trọng và tác động – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9362 : 2012 – Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình

- TCVN 5574: 2018 – Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép

- TCVN 5575: 2012 – Kết cấu thép- Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 5573:2011 – Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4474: 1987- Thoát nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 4513:1988 – Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế;

- TCVN 9207:2012 – Đặt đường dẫn điện trong nhà và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 8809: 2011. Mặt đường đá dăm thấm nhập nhựa nóng thi công và nghiệm thu

- TCVN 8821: 2011. Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường

- TCVN 2622: 1995 - Phòng cháy chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế.

- TCXDVN 33:2006: Cấp nước, mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế.

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

*- Quy chuẩn về môi trường:*

+ QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

+ QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

+ QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

+ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

+ QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn cho phép của kim loại nặng trong đất.

**II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐTM**

Đánh giá tác động môi trường (ĐTM): Là quá trình phân tích, đánh giá, nhận dạng, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư và đưa ra biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường (khoản 7 điều 3 của Luật BVMT).

**-Trình tự thực hiện lập báo cáo ĐTM:**

+ Nghiên cứu dự án: Thuyết minh quy hoạch chi tiết do Chủ dự án cung cấp.

+ Khảo sát thực tế khu vực thực hiện dự án: Khảo sát sơ bộ về vị trí địa lý, đặc điểm tự nhiên, tình hình kinh tế – văn hóa – xã hội trên địa bàn khu vực dự án.

+ Tiến hành quan trắc, lấy mẫu, phân tích, đánh giá hiện trạng môi trường trước khi thực hiện dự án.

+ Xây dựng báo cáo chuyên đề, báo cáo tổng hợp.

+ Giúp Chủ Dự án lập thủ tục thẩm định trình các cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định và cấp quyết định phê duyệt.

**- Nội dung và cấu trúc:**

Cấu trúc và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường tuân thủ theo đúng mẫu số 04, phụ lục II của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

**III. NỘI DUNG DỰ ÁN**

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: *“Xây dựng cơ sở chế biến lâm sản và gia công cơ khí”*

- Địa điểm thực hiện: Xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định

- Chủ dự án: Công ty Cổ phần chế biến lâm sản Quân Minh.

- Địa chỉ trụ sở chính: Phố Mới, xã Nghĩa Lạc, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

**1.2. Quy mô dự án:**

 Xây dựng cơ sở chế biến lâm sản và gia công cơ khí với diện tích khoảng 0,9 ha, gồm các hạng mục công trình được xây dựng theo quy hoạch tổng mặt bằng và cấp phép theo quy định.

**1.3. Quy trình hoạt động của Dự án**

***1.3.1. Quy trình sản xuất ván gỗ ép***

Nguyên liệu

(Gỗ tròn, gỗ đầu mẩu…)

Nhập kho

Xuất xưởng

- Tiếng ồn

- Bụi

*Ghi chú:*

Đường công nghệ

Đường dòng thải

*Kiểm tra*

Băm nghiền

- Tiếng ồn

- Bụi

- Tiếng ồn

- Bụi gỗ

Sàng dăm

Ép gỗ

- Keo

- Phụ gia

- Nhiệt độ

- Áp suất

Cắt biên

Chà nhám

Thành phẩm

- Hơi mùi

- Nhiệt độ

- CTNH

- Tiếng ồn

- CTR

- Tiếng ồn

- Bụi

***1.3.2. Quy trình gia công kim loại***

Nguyên liệu

(Sắt, thép...)

Nhập kho

- Tiếng ồn

- Bụi kim loại

- Chất thải rắn

Mẫu

Đơn hàng

Gia công cắt gọt

Thành phẩm

Xuất xưởng

- Tiếng ồn

- Bụi

- Tiếng ồn

- Bụi

*Ghi chú:*

Đường công nghệ

Đường dòng thải

*Kiểm tra*

**1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:**

| **TT** | **Hạng mục** | **Số tầng** | **Diện tích *(m2)*** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 01 | Cổng ra vào | - | - | Xây mới |
| 02 | Nhà trưng bày giới thiệu sản phẩm | 01 | 259 | Xây mới |
| 03 | Nhà văn phòng + giới thiệu sản phẩm | 01-02 | 528,5 | Xây mới |
| 04 | Nhà ăn + nghỉ ca công nhân | 01 | 184 | Xây mới |
| 05 | Xưởng sản xuất | 01 | 1.250 | Xây mới |
| 06 | Nhà kho | 01 | 300 | Xây mới |
| 07 | Hồ nước PCCC | - | 137 | Xây mới |
| 08 | Nhà bơm | 01 | 16 | Xây mới |
| 09 | Nhà chứa chất thải rắn | 01 | 21 | Xây mới |
| 10 | Khu xử lý nước thải | - | 40 | Xây mới |
| 11 | Trạm cân | - | 72 | Xây mới |
|  | ***Diện tích dự án chiếm dụng*** |  | ***8.790,7*** |  |
|  | ***Diện tích xây dựng*** |  | ***2.670,5*** |  |
|  | ***Diện tích xây dựng không bao gồm diện tích các công trình hạ tầng kỹ thuật*** |  | ***2.593,5*** |  |
|  | ***Diện tích cây xanh*** |  | ***1.943*** |  |
|  | ***Diện tích mặt nước*** |  | ***137*** |  |
|  | ***Diện tích sân đường*** |  | ***4.040,2*** |  |
|  | ***Mật độ xây dựng*** |  | ***29,5%*** |  |
|  | ***Mật độ cây xanh*** |  | ***22,1%*** |  |
|  | ***Hệ số sử dụng đất*** |  | ***0,31*** |  |

**1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Theo điểm đ khoản 4 Điều 25 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường thì dự án có yếu tố nhạy cảm do có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ.

**2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường.**

***\* Giai đoạn thi công xây dựng***

- Hoạt động bóc tách tầng đất mặt (đất trồng lúa 2 vụ).

- San lấp mặt bằng.

- Thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng.

- Hoạt động sinh hoạt của 20 công nhân tham gia thi công.

 ***\*Giai đoạn vận hành dự án***

 - Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất, từ hoạt động giao thông; từ thu gom rác thải, xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh gồm nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của 15 CBCNV.

- Chất thải rắn bao gồm: Rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, sinh hoạt của dự án.

**3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư.**

**3.1. Nước thải, khí thải:**

**3.1.1. Đối với nước thải:**

*\* Giai đoạn thi công, xây dựng dự án:*

- Nước thải từ hoạt động xây dựng: Phát sinh chủ yếu là nước thải từ công đoạn vệ sinh máy móc, thiết bị, dụng cụ tham gia thi công với khối lượng khoảng 1,5 m3/ngày. Thành phần ô nhiễm: chất rắn lơ lửng, độ đục…

- Nước thải sinh hoạt của 20 công nhân thi công phát sinh khoảng 1,2m3/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm: chất rắn lơ lửng (TSS), BOD5, COD, chất, tổng N, tổng P, coliform.

*\* Giai đoạn vận hành*

 - Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 100 CBCNV với tổng lượng khoảng 0,9 m3/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm gồm: BOD5, COD, Chất rắn lơ lửng, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Coliform...

**3.1.2. Đối với khí thải:**

\* *Giai đoạn thi công xây dựng Dự án.*

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động bóc tách tầng đất mặt, san lấp mặt bằng; từ các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường (xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,...) và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; Thành phần ô nhiễm: bụi, khí SO2, CO2, NO2, Hydrocacbon...

- Hơi mùi, khí thải phát sinh từ sự phân huỷ các chất thải, rác thải trên công trường thi công như: CH4, NH3, H2S,...

*\* Giai đoạn vận hành:*

- Ô nhiễm không khí do bụi kim loại phát sinh từ quá trình gia công cơ khí như cắt, mài sắt, thép theo kích cỡ của từng chi tiết sản phẩm. Bụi kim loại có trọng lượng lớn, dễ lắng đọng ngay trong khu vực sản xuất.

- Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động giao thông vận tải. Thành phần gồm: Bụi, NO2, SO2, CO, hyđrocacbon,…

- Hơi mùi khí thải phát sinh từ kho chất thải, khu xử lý nước thải. Thành phần gồm: CH4, NH3, H2S ...

**3.2. Chất thải rắn**

***3.2.1. Chất thải rắn thông thường***

*\* Giai đoạn thi công xây dựng dự án:*

- Chất thải rắn sinh hoạt của 20 công nhân tham gia thi công với khối lượng phát sinh khoảng 8 kg/ngày. Thành phần gồm: giấy vụn, túi nilon, bìa carton, vỏ hoa quả, phần thức ăn thừa,...

- Chất thải rắn xây dựng thông thường phát sinh khoảng 15 tấn. Thành phần gồm: đất đá rơi vãi, sắt thép vụn, gỗ côt-pha, dây thừng, thùng chứa,... ;

- Khối lượng đất bóc tách tầng đất mặt từ đất trồng lúa 2 vụ (chiều dày bóc tách khoảng 0,2 m) là 2.461,4 tấn (1.758,14 m3).

*\* Giai đoạn vận hành:*

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên dự án với khối lượng khoảng 12 kg/ngày.Thành phần gồm: giấy vụn, túi nilong, vỏ hộp, rác hữu cơ như vỏ hoa quả, thức ăn thừa.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Chất thải rắn phát sinh chất thải từ quá trình sản xuất (như: bụi gỗ, bụi kim loại, phế liệu kim loại, bavia, đầu mẩu...) với khối lượng phát sinh khoảng 50 tấn/năm.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 10 kg/năm.

+ Vật liệu lọc thải phát sinh từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt khoảng 85 kg/năm

***3.2.2. Chất thải nguy hại***

*\* Giai đoạn thi công xây dựng dự án:*

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công xây dựng với khối lượng khoảng 529 kg/giai đoạn.

- Thành phần bao gồm: Dầu thải, giẻ lau dính dầu mỡ thải, sơn thải, que hàn thải,...

*\* Giai đoạn vận hành:*

- Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 50 kg/năm.

- Thành phần gồm: Giẻ lau dính dầu mỡ thải, dầu thải, bóng đèn huỳnh quang thải, chất kết dính (loại có dung môi hữu cơ hoặc các TPNH khác trong nguyên liệu sản xuất).

**3.4. Tác động khác:**

*\* Giai đoạn thi công xây dựng dự án:*

Trong quá trình thi công xây dựng có thể xảy ra các rủi ro, sự cố như: sự cố cháy nổ, tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố thiên tai, sự cố dịch bệnh....

*\* Giai đoạn vận hành:*

Trong quá trình dự án đi vào hoạt động có thể xảy ra các rủi ro, sự cố như: sự cố cháy nổ, sự cố đối với kho chất thải, sự cố về vệ sinh an toàn lao động…

**4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

**4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải**

**4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải.**

***\* Giai đoạn thi công xây dựng***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau ;

*- Đối với nước thải sinh hoạt:*

+ Chủ dự án sẽ lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động với thể tích bể tự hoại 2m3/bể/nhà vệ sinh.

+ Chất thải từ nhà vệ sinh di động chủ dự án thuê đơn vị có chức năng trên địa bàn thu gom và xử lý hàng ngày.

*- Đối với nước thải từ quá trình xây dựng:*

+ Đơn vị thi công khai thông tuyến thoát nước tự nhiên có trong khu vực dự án và đào rãnh thu gom nước xung quanh chân công trình để thoát nước.

+ Nước thải sau thu gom sẽ chảy qua 01 hố ga lắng cặn có kích thước (1,2x1,2x1,5)m.

+ Thường xuyên nạo vét cặn lắng trong hố ga, nước thải tái sử dụng để dập bụi.

*- Đối với nước mưa chảy tràn**:*

+ Chủ dự án sẽ tiến hành che chắn nguyên vật liệu tập kết tại công trường để hạn chế nước mưa cuốn trôi các tạp chất bẩn.

+ Bố trí hố ga lắng cặn và rãnh tiêu thoát nước kịp thời, tránh hiện tượng ngập úng cục bộ.

+ Cử công nhân thu dọn các chất thải rắn, phế liệu sau mỗi ngày làm việc.

***\* Giai đoạn vận hành:***

- Dự án xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của CBCNV sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sẽ thu gom theo đường ống D110 dẫn về hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt công suất 3 m3/ngày.đêm để xử lý.

Chủ dự án bố trí xây dựng hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt công suất 3 m3/ngày.đêm để xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án. Nước thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt trước khi chảy ra kênh Đồng Ninh 1 tại 01 điểm xả phía Nam dự án.

Quy trình xử lý nước thải của hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt như sau: Nước thải 🡪 Ngăn thu gom 🡪 Ngăn lắng 🡪 Ngăn lọc 🡪 Ngăn khử trùng 🡪 Hố ga (Nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT - cột B) theo đường ống PVC D110🡪 Kênh Đồng Ninh 1 tại 01 điểm xả phía Nam dự án.

**4.1.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý khí thải.**

***\* Giai đoạn thi công xây dựng***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Sử dụng tôn hoặc bạt chắn cao 2,5m để bao quanh khuôn viên khu vực xây dựng dự án để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Thường xuyên phun ẩm khu vực xây dựng để hạn chế bụi, khí thải ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Sử dụng phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công đảm bảo quy định về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường, không sử dụng thiết bị thi công cũ, lạc hậu; Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng sử dụng nhiên liệu đúng với thiết kế của động cơ, chở đúng tải trọng cho phép và có bạt che chắn, không để vật liệu rơi xuống dọc tuyến đường vận chuyển.

- Không đốt các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng dự án.

***\* Giai đoạn vận hành:***

*- Biện pháp giảm thiểu bụi kim loại tại xưởng sản xuất:*

+ Nền nhà xưởng được láng bê-tông để công nhân dễ dàng thu gom, quét dọn nền nhà xưởng sau mỗi ngày sản xuất.

+ Thiết kế hệ thống thông gió khu vực nhà xưởng theo phương pháp thông gió cưỡng bức kết hợp thông gió tự nhiên. Hệ thống thông gió cưỡng bức gồm các quạt hút công suất 1,1kW chạy dọc theo chiều dài nhà xưởng với khoảng cách 20m/quạt;

+ Đối với khu vực ép gỗ: Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý hơi mùi keo sử dụng than hoạt tính.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho CBCNV như mũ, quần áo, găng tay, giày bảo hộ lao động, nút tai chống ồn, khẩu trang…

+ Tăng cường trồng cây xanh có tán lá rộng xung quanh khu vực xưởng sản xuất nhằm tạo cảnh quan môi trường cũng như tạo vùng đệm để hạn chế tiếng ồn và lượng nhiệt phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án.

*- Đối với hoạt động giao thông:*

+ Đường giao thông nội bộ trong khuôn viên dự án sẽ được đổ bê tông để giảm thiểu bụi bị cuốn bay vào không khí.

+ Quy định vận tốc, trọng tải xe chở nguyên liệu, sản phẩm, không chở quá đầy, có vật liệu che chắn thùng xe để đảm bảo an toàn trên dọc tuyến đường vận chuyển.

+ Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án (1.943m2). Cây xanh góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: giảm bức xạ nhiệt, giảm nhiệt độ không khí, nhiệt độ bề mặt, tăng độ ẩm, tăng lượng ôxy, hấp thụ các chất độc hại trong không khí; hấp thu tiếng ồn, giảm nồng độ bụi và cản gió.

- Biện pháp giảm thiểu hơi mùi phát sinh từ kho chất thải sinh hoạt và hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Toàn bộ chất thải phát sinh sẽ được thu gom vào thùng nhựa có nắp đậy kín, Công ty sẽ hợp đồng với đội thu gom rác thải của xã hàng ngày vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Hệ thống bể xử lý được xây dựng trong khuôn viên dự án, có nắp đậy bằng bê-tông cốt thép. Định kỳ 1-2 tuần/lần tiến hành phun thuốc sát trùng xung quanh khu vực xử lý nước thải để hạn chế ruồi nhặng, hơi mùi phát sinh.

**4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại.**

**4.2.1. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường.**

***\* Giai đoạn thi công xây dựng***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Đối với khối lượng tầng đất mặt được bóc tách từ bề mặt đất trồng lúa: Chủ dự án tận dụng toàn bộ để trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng rác lưu động (100 lít/thùng) trong khu vực dự án để thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải của địa phương, vận chuyển, xử lý tại khu xử lý rác thải tập trung của xã theo quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng:

+ Chủ dự án sẽ bố trí vị trí tập kết phù hợp, thuận tiện trong quá trình vận chuyển và không ảnh hưởng đến quá trình thi công xây dựng đồng thời giám sát nhà thầu thực hiện. Xây dựng kế hoạch vận chuyển chất thải ra khỏi khu vực dự án trong thời gian sớm nhất, thời gian lưu chứa chất thải không quá 3 ngày.

+ Các loại sắt thép vụn, bao bì, gỗ... thu gom tái sử dụng hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng.

***\* Giai đoạn vận hành:***

- Đối với chất thải sinh hoạt: Chủ dự án thu gom vào thùng chứa. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý hàng ngày theo đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động sản xuất bao gồm: Bụi kim loại, đầu mẩu sắt thép thừa, bavia kim loại, sản phẩm lỗi sẽ được lưu giữ tại kho chất thải rắn công nghiệp có diện tích 15 m2 phía Nam dự án.

+ Vật liệu lọc từ hệ thống bể xử lý nước sinh hoạt, công ty sẽ căn cứ vào khả năng hấp phụ của vật liệu lọc để lên lịch thau rửa hoặc thay thế phù hợp định kỳ từ 6 tháng - 1 năm với lượng phát sinh khoảng 85 kg/năm. Vật liệu lọc thải sẽ được đưa về kho chất thải rắn công nghiệp có diện tích 15 m2 phía Nam dự án.

+ Bùn thải từ hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt được lưu giữ ngay trong các ngăn xử lý và quản lý như chất thải thông thường.

Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý chất thải rắn công nghiệp phát sinh từ hoạt động của dự án theo quy định.

**4.2.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải nguy hại.**

***\* Giai đoạn thi công xây dựng***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Chủ dự án sẽ bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 5m2. Trong kho bố trí 04 thùng chứa (thể tích 100 lít/thùng).

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

***\* Giai đoạn vận hành:***

- Chủ dự án bố trí kho chất thải nguy hại có diện tích 6 m2. Kho có tường bao kín, nền đổ bê tông, mái lợp tôn. Kho có khóa, ngoài có biển cảnh báo theo đúng quy định. Trong kho bố trí vật liệu, dụng cụ xử lý khi gặp sự cố như cát khô, mùn cưa, xẻng… Chủ dự án sẽ đầu tư 04 thùng chứa để thu gom CTNH. Các thùng chứa được dán tên loại chất thải, mã CTNH theo quy định.

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung**

***\* Giai đoạn thi công xây dựng***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Bố trí vị trí đặt thiết bị xây dựng xa phía khu dân cư, có kế hoạch sử dụng thiết bị hợp lý tránh sử dụng đồng thời nhiều thiết bị.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công xây dựng. Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

- Không làm việc vào những giờ nghỉ ngơi từ 22h hôm trước đến 6h sáng ngày hôm sau và từ 11h đến 13h.

- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân lao động tham gia thi công trên công trường.

***\* Giai đoạn vận hành***

- Ban hành quy định chế độ vận hành xe, các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị.

- Đối với máy có kích thước lớn gây rung lắc trong quá trình hoạt động sẽ được cố định bằng đệm cao su đàn hồi.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như nút chống ồn, găng tay,…

**4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:**

***\* Giai đoạn thi công, xây dựng.***

Chủ dự án sẽ phối hợp với nhà thầu thi công thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường như sau:

- Biện pháp an toàn lao động: Bố trí, trang bị đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định.

- Phòng chống tai nạn giao thông: Đặt biển cảnh báo tại công trường thi công để tránh xảy ra tại nạn trong quá trình thi công xây dựng; yêu cầu các phương tiện tham gia vận chuyển, thi công xây dựng phải di chuyển đúng tốc độ, chở đúng tải trọng quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của dịch bệnh: Thực hiện phòng chống dịch bệnh theo quy định của Bộ Y tế.

***\* Giai đoạn vận hành:***

*- Biện pháp phòng chống sự cố đối với hệ thống bể xử lý nước thải:*

+ Chủ dự án sẽ phân công cán bộ thường xuyên theo dõi tình hình thu gom và xử lý nước thải tại hệ thống bể xử lý nước thải nhằm phát hiện và khắc phục kịp thời khi có sự cố xảy ra, tránh rò rỉ nước thải chưa xử lý ra môi trường.

+ Trường hợp hệ thống bể xử lý nước thải sau xử lý gặp sự cố, nước thải sau xử lý không đạt QCCP, chủ dự án sẽ tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân để có biện pháp khắc phục kịp thời. Sau khi sự cố được khắc phục xong, nước thải xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) mới được phép thải ra kênh Đồng Ninh 1 phía Nam dự án.

*- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:*

+ Xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

+ Trang bị các thiết bị phòng cháy chữa cháy quy định đặt tại các vị trí dễ cháy nổ để thuận tiện sử dụng khi xảy ra sự cố.

+ Trong khuôn viên dự án sẽ bố trí hồ điều hòa 137 m2 với thể tích lưu trữ 274 m3 có nhiệm vụ chứa nước và cấp nước cho công tác phòng cháy chữa cháy.

+ Thường xuyên tuyên truyền, huấn luyện, phổ biến và giáo dục các kiến thức về phòng chống cháy nổ cho người lao động.

**4.5. Danh mục công trình bảo vệ môi trường:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hạng mục** | **Số lượng** | **Diện tích** |
| 1 | Hệ thống thu gom và thoát nước mưa | 01 HT | - |
| 2 | Hệ thống thu gom và xử lý nước thải | 01 HT | - |
| 3 | Hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt công suất 3 m3/ngày.đêm | 01 HT | 40 m2 |
| 4 | Kho chứa chất thải rắn công nghiệp | 01 kho | 15 m2 |
| 5 | Kho chứa chất thải nguy hại | 01 kho | 6 m2 |
| 6 | Thùng chứa rác thải sinh hoạt (loại 100 lít) | 05 thùng |  |
| 7 | Thùng chứa CTNH (loại 50 lít) | 04 thùng |  |
| 8 | Khuôn viên cây xanh | 22,1 % | 1.943 m2 |
| 9 | Đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu ra của hệ thống bể xử lý nước thải | 01 chiếc |  |

**5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường**

**5.1. Chương trình quản lý môi trường.**

- Chủ dự án sẽ bố trí 02 cán bộ phụ trách công tác bảo vệ môi trường của dự án.

- Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án sẽ phối hợp chặt chẽ với Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nghĩa Hưng, Sở Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các giải pháp đảm bảo vấn đề an toàn, vệ sinh môi trường của dự án.

**5.2. Chương trình giám sát môi trường.**

**5.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng**

*\* Môi trường không khí xung quanh:*

- Vị trí giám sát: 02vị trí cuối hướng gió ưu tiên gần khu dân cư (phía Bắc, phía Đông dự án).

- Thông số giám sát: Tiếng ồn, bụi lơ lửng, CO, SO2, NO2.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

**5.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành.**

*\* Giám sát môi trường nước thải:*

- Vị trí quan trắc giám sát: 01 mẫu lấy tại hố ga sau ngăn khử trùng của hệ thống bể xử lý nước thải sinh hoạt trước khi thải ra kênh Đồng Ninh 1 phía Nam dự án.

- Thông số quan trắc giám sát: Lưu lượng nước thải (m3/ngày.đêm); pH; BOD5; Tổng chất rắn lơ lửng (TSS); Tổng chất rắn hòa tan; Sunfua; Amoni (tính theo N); Nitrat; Phốt phat (tính theo P); Dầu mỡ động thực vật; Tổng các chất hoạt động bề mặt; Tổng Coliforms.

- Tần suất quan trắc giám sát: 6 tháng/lần (2 lần/năm).

 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Hệ số áp dụng k = 1,2).

*\* Giám sát môi trường khí thải:*

- Vị trí quan trắc giám sát: 01 vị trí tại lỗ kỹ thuật trên thân ống phóng không sau hệ thống thu gom, xử lý hơi mùi khu vực ép gỗ.

- Thông số quan trắc giám sát: Lưu lượng, Bụi tổng, Toluen, Benzen

- Tần suất quan trắc giám sát: 6 tháng/lần (2 lần/năm).

 - Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B).

Nhà máy đặt tại khu vực nông thôn nên áp dụng Kv = 1,2, Kp tính tại thời điểm quan trắc.

+ QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (Cột B).

*\* Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại*

- Vị trí giám sát: Kho CTR thông thường; Kho CTNH.

 - Nội dung giám sát: Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần CTR, CTNH; biện pháp phân loại, thu gom CTR, CTNH,...

 - Tần suất quan trắc giám sát: Giám sát thường xuyên và liên tục.

- Quy định áp dụng: Luật BVMT 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.